

Biểu mẫu 10

UBND QUẬN BÌNH THẠNH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH LỢI TRUNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Học kỳ 1 Năm học 2017-2018**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1400	346	342	342	370
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1388 (99.1%)	346(100%)	341(99.7%)	333 (98.2%)	368(99.5%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	12(0.9%)	00	1(0.3%)	9 (1.8%)	2 (0.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	1400	346	342	342	370
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	509	176	134	94	105
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	503	109	111	136	147
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	358	60	90	90	118
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	30	1	7	22	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1400	346	342	342	370
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1370	345	335	320	370
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	509	176	134	94	105
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	503	109	111	136	147
2	Thi lại	30	1	7	22	0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	30/10	1/4	15/3	6/2	8/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13	2	3	7	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	44	1	00	12	31
1	Cấp huyện	38	1	00	11	26
2	Cấp tỉnh/thành phố	6	00	00	1	5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					370
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					370
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					105
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					147
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					118
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	722/678	158/188	182/160	192/150	198/172
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	32	7	9	8	8

Bình thành, ngày 31 tháng 5 năm 2018
Hiệu trưởng